TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Quản trị khách sạn**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**14**			
QT70047	Nguyên lý quản trị	2	30	30	0
QT70004	Nguyên lý Marketing	3	45	45	0
KS70012	Tổng quan kinh doanh khách sạn	3	45	45	0
LH70004	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	45	45	0
LH70039	Kinh tế du lịch	3	45	45	0
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
CB70411	Bơi lội *	1	30	0	30
Học phần tự chọn		**3**			
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 9)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			

KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 *	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 *	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 *	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 *	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**9**			
Học phần kỹ năng (chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 2 trong 4 học phần)		**4**			
LH71021	Văn hoá và ẩm thực Việt Nam	2	30	30	0
LH71001	Kỹ năng hoạt náo	2	30	30	0
QT71042	Trách nhiệm xã hội	2	30	30	0
LH71013	Du lịch thể thao và giải trí	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 4 học phần)					
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30

HỌC KỲ 3: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**12**			
Học phần chuyên ngành: Chọn 1/2 chuyên ngành		**3**			
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ lưu trú		**3**			
KS71037	Nghiệp vụ lễ tân	3	60	30	30
Chuyên ngành Quản trị Nhà hàng - Khách sạn		**3**			
KS71033	Nghiệp vụ bàn	3	60	30	30
Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn (chọn 3 trong 4 học phần)		**6**			
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 3 học phần)					
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30

HỌC KỲ 4: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 08)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**12**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
KS70035	Tiếng anh chuyên ngành Khách sạn - Nhà hàng	3	60	30	30
LH70043	Lễ tân ngoại giao	2	45	15	30
KS70004	Chuyển đổi số trong du lịch- khách sạn	2	15	30	0
KS70038	An toàn - An ninh - Vệ sinh trong NH-KS	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**8**			
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
QT71017	Hành vi tổ chức	2	30	30	0
LH71019	Văn hóa các nước ASEAN	2	30	30	0
Học phần chuyên ngành: Chọn 1/2 chuyên ngành		**6**			
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ lưu trú		**6**			
KS71036	Nghiệp vụ buồng	3	60	30	30
KS71010	Quản trị lưu trú	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị Nhà hàng - Khách sạn		**6**			
KS71034	Nghiệp vụ bar	3	60	30	30
KS71006	Quản trị dịch vụ ăn uống	3	45	45	0
Học phần Ngoại ngữ* (Chọn 1 trong 2 học phần)					
TA71334	English for International Certification*	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification*	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 8, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**8**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0

LH70028	Pháp luật về du lịch	3	45	45	0
QT70011	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**8**			
Học phần chuyên ngành: Chọn 1/2 chuyên ngành		**12**			
Chuyên ngành Quản trị dịch vụ lưu trú		**12**			
LH71009	Quản trị dịch vụ MICE	3	60	30	30
KS71014	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45	45	0
KS71011	Quản trị khu du lịch và nghỉ dưỡng	3	45	45	0
KS71012	Quản trị doanh thu khách sạn	3	45	45	0
Chuyên ngành Quản trị Nhà hàng - Khách sạn		**12**			
KS71013	Nghiệp vụ bếp khách sạn	3	45	15	30
KS71004	Quản trị ẩm thực	3	45	45	0
KS71005	Quản trị hội nghị và yến tiệc	3	45	45	0
KS71007	Phương pháp xây dựng thực đơn	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 19 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**19**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
KS70036	Quản trị du thuyền	2	45	15	30
KS70010	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	45	45	0
QT70008	Quản trị chiến lược	3	45	45	0
LH70035	Tiếp thị sản phẩm du lịch	3	45	45	0
QT70050	Quan hệ công chúng và truyền thông	3	45	45	0
TC70212	Thanh toán quốc tế	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 01)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**15**			
KS70024	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
KS70025	Khoá luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
KS70026	Quản trị đổi mới trong quản trị khách sạn	3	45	45	0
KS70029	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	45	0